

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH CÔNG NGHỆ CHẾ TẠO MÁY



Tên chương trình : Công nghệ chế tạo máy
Trình độ đào tạo : Đại học (hệ cử nhân)
Ngành đào tạo : Công nghệ chế tạo máy
Tiếng Anh : Manufacturing Engineering Technology
Mã ngành đào tạo : 7510202
Loại hình đào tạo : Chính quy
Thời gian đào tạo : 4,0 năm

Mục tiêu đào tạo

Chương trình Cử nhân Công nghệ Chế tạo máy đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội; có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành Công nghệ Chế tạo máy; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp, vững chắc theo hướng ứng dụng, thực tập sản xuất, cập nhật công nghệ tiên tiến, có thái độ chuyên nghiệp và trách nhiệm nghề nghiệp; có năng lực nghiên cứu, khả năng làm việc độc lập sáng tạo để giải quyết những vấn đề liên quan đến khảo sát, thiết kế, phân tích, giải quyết vấn đề và đánh giá các giải pháp kỹ thuật; có kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết và khả năng tự học để thích ứng với môi trường làm việc, sự phát triển không ngừng của khoa học và công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và chịu trách nhiệm:

<i>Chuẩn đầu ra về kiến thức</i>	-Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành Công nghệ Chế tạo máy, cụ thể; +Có các kiến thức về phân tích động học, động lực học các cơ cấu cơ khí; tính toán, thiết kế các cơ cấu truyền động cơ khí,...; các bài toán về ứng suất và chuyển vị,...; cơ bản về vẽ và trình bày bản vẽ kỹ thuật; các kiến thức cơ bản về điện, mạch điện và một số trang thiết bị điện cơ bản; +Có kiến thức về cơ bản về vật liệu kim loại và phi kim, phân biệt được các phương pháp nhiệt luyện; phương pháp và công nghệ gia công kim loại. +Có kiến thức cơ bản và nâng cao về công nghệ Chế tạo máy; lựa chọn dụng cụ và
----------------------------------	---

	+Có kiến thức về an toàn lao động trong nhà máy, xí nghiệp và quy trình quản lý chất lượng sản phẩm; +Có kiến thức về phân tích, thiết kế mô hình, sử dụng các phần mềm có liên quan để lập trình, mô hình hóa, mô phỏng các quá trình gia công, chế tạo sản phẩm thuộc lĩnh vực cơ khí. -Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, khoa học chính trị và pháp luật; -Có kiến thức về ngành Công nghệ chế tạo máy đáp ứng yêu cầu công việc; -Có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong lĩnh vực hoạt động của ngành/chuyên ngành Công nghệ Chế tạo máy; -Có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn của ngành Công nghệ Chế tạo máy.
<i>Chuẩn đầu ra về kỹ năng</i>	-Có kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp của ngành Công nghệ Chế tạo máy; - Có kỹ năng tính toán, thiết kế bản vẽ, lập quy trình công nghệ bằng tay và ứng dụng máy tính; - Có kỹ năng tính toán, lựa chọn chế độ cắt cho các phương pháp gia công vạn năng; - Có khả năng lập trình NC, lập trình CAD/CAM cho các hệ điều khiển FANUC, SIEMENS... để gia công được các sản phẩm cơ khí đơn giản; -Có các kỹ năng chuyên môn, quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động trong lĩnh vực chế tạo máy; - Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. - Có kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi; - Có kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; - Có kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp; - Có kỹ năng điều hành và quản lý các quá trình xây dựng hay sản xuất về cơ khí, hệ thống cơ khí.
<i>Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và chịu trách nhiệm</i>	-Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; - Có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ thiết kế chi tiết máy, cụm chi tiết máy và hệ thống máy; - Có năng lực tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; - Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

Chuẩn đầu ra về kỹ năng nghề: Có kỹ năng nghề theo qui định của Nhà trường tối thiểu tương đương với trình độ kỹ năng nghề quốc gia bậc 2/5.

Chuẩn đầu ra về tin học: Đạt trình độ Tin học theo quy định của Nhà trường tối thiểu tương đương Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Chuẩn đầu ra về ngoại ngữ: Đạt trình độ tiếng Anh theo qui định của Nhà trường, tối thiểu bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng Anh TOEIC 450, TOEFL 450, IELTS 4.0 trở lên.

Chuẩn đầu ra về kỹ năng mềm: Đạt chứng chỉ kỹ năng mềm theo chương trình của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định, gồm các kỹ năng: Quản lý bản thân; tìm việc làm; tự tạo việc làm; làm việc nhóm; giao tiếp với các đối tác.

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Cán bộ giảng dạy, cán bộ đào tạo trong các trường đại học công nghệ, cao đẳng, trung cấp và các trường trung học phổ thông; Cán bộ kỹ thuật: thiết kế sản phẩm cơ khí, xây dựng quy trình công nghệ chế tạo, kiểm tra chất lượng sản phẩm... tại phòng kỹ thuật trong các công ty, doanh nghiệp; Quản đốc phân xưởng: quản lý điều hành các phân xưởng sản xuất, sửa chữa và lắp ráp tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất; Nhân viên kỹ thuật trực tiếp vận hành máy gia công sản phẩm cơ khí trên thiết bị truyền thống và hiện đại như: máy tiện CNC, phay CNC, cắt dây, xung định hình... trong các công ty, doanh nghiệp nhà máy sản xuất, lắp ráp sản phẩm cơ khí.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sinh viên có khả năng học tập lên các trình độ cao hơn như: Thạc sĩ, tiến sĩ tại các trường đại học đào tạo ngành đúng hoặc ngành gần ngành Công nghệ chế tạo máy.

Nội dung chương trình

Kiến thức giáo dục đại cương: 55 TC

- Bắt buộc: 48 TC
- Tự chọn: 07 TC

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 84 TC

- Bắt buộc: 64 TC
- Tự chọn: 20 TC

Kế hoạch giảng dạy

TT	Học phần \ Năm học/ Học kỳ	TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV		Ghi chú
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	
I	Kiến thức GDĐC	55									
1	Nhập môn tin học	3	3								
2	Tiếng anh 1	2	2								
3	Toán cao cấp 1	2	2								
4	Nhập môn ngành 1	2	2								Chọn 2/8
5	Nhập môn ngành 2	2	2								
6	Nhập môn ngành 3	2	2								
7	Nhập môn ngành 4	2	2								
8	Giáo dục thể chất 1	1	1								
9	Vật lý đại cương	3	3								
10	Triết học Mác -Lênin	3		3							
11	Tiếng anh 2	3		3							
12	Toán cao cấp 2	2		2							
13	Giáo dục thể chất 2	2		2							
14	Pháp luật đại cương	2		2							
15	Tiếng anh chuyên ngành	2			2						
16	Toán chuyên đề 1	2			2						
17	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			2						
18	Giáo dục thể chất 3	1			1						Chọn 1/2
19	Giáo dục thể chất 4	1			1						
20	Toán chuyên đề 2	2				2					Chọn 2/6
21	Toán chuyên đề 3	2				2					
22	Hoá học đại cương	2				2					
23	Nhập môn khoa học giao tiếp	2				2					Chọn 2/4
24	Khởi nghiệp	2				2					
25	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2				2					
26	Tổ chức quản lý sản xuất	2				2					
27	Tâm lý học	3					3				

TT	Học phần \ Năm học/ Học kỳ	TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV		Ghi chú
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	
28	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					2				
29	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	2						2			
30	Giáo dục quốc phòng -An ninh	8		8							
II	Khối kiến thức GDCN	84									
*	Kiến thức cơ sở ngành	29									
31	Hình họa–Vẽ kỹ thuật 1	2	2								
32	Kỹ thuật nhiệt	2	2								
33	Hình họa–Vẽ kỹ thuật 2	2		2							
34	Cơ lý thuyết	2			2						
35	Kỹ thuật điện–điện tử	2			2						
36	Dung sai–Kỹ thuật đo	2				2					
37	Vật liệu kỹ thuật 1	2				2					
38	Nguyên lý–chi tiết máy 1	2					2				
39	Sức bền vật liệu	2					2				
40	Nguyên lý–chi tiết máy 2	2						2			
41	Vật liệu kỹ thuật 2	2						2			
42	Công nghệ kim loại	2						2			
43	Đồ án chi tiết máy	1							1		
44	Vẽ và thiết kế trên máy tính	2							2		Chọn 2/4
45	Kỹ thuật thủy khí										
46	Dao động kỹ thuật	2								2	Chọn 2/4
47	Máy nâng chuyển										
*	Kiến thức chuyên ngành	35									
48	Nguyên lý cắt gọt kim loại	2			2						
49	Máy cắt kim loại đại cương	2			2						
50	Công nghệ chế tạo máy 1	2			2						
51	Công nghệ chế tạo máy 2	2				2					
52	Đồ gá	2					2				
53	Máy điều khiển số	2					2				
54	Bảo trì và bảo dưỡng công nghiệp	2				2					
55	Công nghệ CNC	2						2			Chọn 2/4

TT	Học phần Năm học/ Học kỳ	TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV		Ghi chú
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	
56	Truyền động thủy lực khí nén trong máy công nghiệp										
57	Công nghệ CAD/CAM	2							2		
58	Ứng dụng phần mềm CAD/CAM cho thiết kế và gia công sản phẩm cơ khí	3							3		
59	Các phương pháp gia công tinh kim loại	2						2			Chọn 2/4
60	Công nghệ gia công tia lửa điện										
61	Hệ thống CIM và FMS	2							2		Chọn 2/4
62	Robot công nghiệp										
63	Công nghệ phục hồi sản phẩm	2							2		Chọn 2/4
64	Các phương pháp xử lý bề mặt										
*	Thực hành	20									
65	Thực hành tiện 1	2				2					
66	Thực hành Hàn trong chế tạo máy	1					1				
67	Thực hành nguội trong chế tạo máy	1					1				
68	Thực hành phay 1	2					2				
69	Thực hành tiện 2	2						2			
70	Thực hành bào, xọc	2						2			
71	Thực hành tiện 3	2							2		
72	Thực hành phay 2	2							2		
73	Thực hành tiện CNC	2								2	
74	Thực hành phay CNC	2								2	
75	Thực hành gia công tinh	2								2	
*	Các học phần thay cho làm Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp	8									
76	Máy cắt kim loại chuyên dùng	2								2	Chọn 2/4
77	Thiết kế xưởng										
78	Mô hình hóa hình học	2								2	Chọn 2/4

TT	Học phần Năm học/ Học kỳ	TC	Năm thứ I		Năm thứ II		Năm thứ III		Năm thứ IV		Ghi chú
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	
79	Ứng dụng CAE trong thiết kế										
80	Ma sát và mài mòn	2								2	Chọn 2/4
81	Thiết kế khuôn										
82	An toàn trong sản xuất cơ khí	2								2	Chọn 2/4
83	Quản lý hệ thống sản xuất chi tiết máy										
III	Tổng cộng										
1	Tổng số tín chỉ	135	16	20	16	18	17	16	16	16	Không gồm 04 TC GDTC
2	Số tín chỉ lý thuyết		16	12	16	16	13	14	14	8	
	Số tuần học lý thuyết		12	13	16	15	13	14	13	12	
3	Số tuần thi, ôn thi		4	4	5	5	4	4	4	4	
4	Số tín chỉ thực hành, Thực tập doanh nghiệp, đồ án, GDQPAN			8		2	4	4	4	6	
	Số tuần thực hành, Thực tập doanh nghiệp, đồ án, GDQPAN			5		2	4	4	4	6	
5	Số tuần / học kỳ		16	22	21	22	21	22	21	22	